



Mô tả sản phẩm

MASTER HPI-T Plus

Đèn halogen kim loại thạch anh có vỏ bọc trong suốt

Lợi ích

- Mức độ an toàn và tiện ích cao, được duy trì suốt thời hạn sử dụng
- Chi phí bảo trì rất thấp
- Tiết kiệm chi phí đầu tư ban đầu với khái niệm "Plus"

Tính năng

- Vỏ bọc dạng ống tròn trong suốt
- Công nghệ 3-dải tần độc đáo mang lại hiệu suất chiếu sáng cao ngay từ ban đầu và trong suốt thời gian sử dụng dài của đèn
- Cho ra ánh sáng trắng tự nhiên với độ ổn định màu tốt

Ứng dụng

- Chiếu sáng thể thao, chiếu sáng các tòa nhà và công trình kỷ niệm, chiếu sáng sân bãi, ví dụ: bến cảng và công trường xây dựng, chiếu sáng mái hiên, ví dụ: trạm xăng, chiếu sáng sân vườn

Cảnh báo và An toàn

- Chỉ sử dụng với những bộ đèn kín hoàn toàn, ngay cả trong quá trình thử nghiệm (IEC61167, IEC 62035, IEC60598)
- Bộ đèn phải có khả năng giữ lại mảnh vỡ nóng khi bóng đèn bị vỡ
- Sử dụng với bộ điều khiển được thiết kế chuyên dụng cho đèn thủy ngân hoặc natri cao áp
- Khả năng bóng đèn vỡ gây ảnh hưởng đến sức khỏe người dùng là gần như không thể. Nếu bóng đèn bị vỡ, hãy thông gió cho phòng trong 30 phút và tháo các bộ phận ra, tốt hơn là nên đeo găng tay. Đặt các bộ phận vào một túi nhựa kín và mang đến các cơ sở xử lý chất thải địa phương để tái chế. Không sử dụng máy hút bụi.

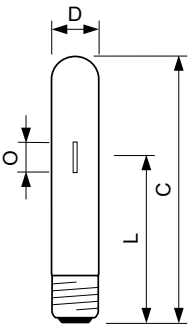
MASTER HPI-T Plus

Phiên bản



LPPR HPI-T

Bản vẽ kích thước



Product	D (max)	O	L	C (max)
MASTER HPI-T Plus 250W/645 E40 1SL/12	47 mm	29 mm	155 mm	255 mm
MASTER HPI-T Plus 400W/645 E40 1SL/12	47 mm	30,5 mm	168 mm	286 mm

Thông tin chung	
Đế dui đèn	E40
Vị trí vận hành	P20
Thông tin kỹ thuật về đèn	
Ký hiệu màu sắc	Trắng mát (CW)
Nhiệt độ màu tương ứng (Nom)	4500 K
Chỉ số hoàn màu (CRI)	65
Điều khiển và điều chỉnh độ sáng	
Có thể điều chỉnh độ sáng	Không
Cơ khí và vỏ đèn	
Lớp hoàn thiện bóng đèn	Trong suốt
Hình dạng bóng đèn	T46

Thông tin kỹ thuật về đèn

Order Code	Full Product Name	Tọa độ màu X (Danh định)	Tọa độ màu Y (Danh định)	Quang hiệu (định mức) (Danh định)
928481300098	MASTER HPI-T Plus 250W/645 E40 1SL/12	365	377	79 lm/W
928481600096	MASTER HPI-T Plus 400W/645 E40 1SL/12	361	372	83 lm/W

Vận hành và điện

Order Code	Full Product Name	Điện áp (Danh định)	Mức tiêu thụ điện
928481300098	MASTER HPI-T Plus 250W/645 E40 1SL/12	128 V	247 W

Order Code	Full Product Name	Điện áp (Danh định)	Mức tiêu thụ điện
928481600096	MASTER HPI-T Plus 400W/645 E40 1SL/12	125 V	385 W

Phê duyệt và ứng dụng

MASTER HPI-T Plus

Order Code	Full Product Name	Mức tiêu thụ năng lượng kWh/1000 h	Hàm lượng thủy ngân (Hg) (Danh định)
928481300098	MASTER HPI-T Plus 250W/645 E40 1SL/12	272 kWh	36 mg
928481600096	MASTER HPI-T Plus 400W/645 E40 1SL/12	424 kWh	29,5 mg

